

Function code	Name	Description	Value range	Default value	Change	Chú thích
P97.14	Phase loss protection enable	Ones: 0: Input phase loss protection disabled 1: Input phase loss protection enabled Tens: 0: Output phase loss protection disabled during running 1: Output phase loss protection enabled during running Hundreds: 0: Short-to-ground detection upon power-on disabled 1: Short-to-ground detection upon power-on enabled Thousands: 0: Output phase loss protection before running disabled 1: Output phase loss protection before running enabled	0 to 0x1111	0	1110	Bật bảo vệ mất pha
P16.04	LED default parameter display at stop	Used to set the default parameter number displayed on the zero level of the keypad menu at stop after power-on. 0: Reference frequency 1: Bus voltage 2: DI input status 1 3: DI input status 2 4: DO output status 5: AI1 input voltage 6: AI2 input voltage 7: AO1 output percentage 8: HDI reference frequency 9: HDO1 output 10: HDO2 output 11: Length 12: Simple PLC current step 13: Line speed 14: PDI reference 15: Torque reference Note: When you press the shift key, the function code only displays the switched parameter number, only RAM modified and not saved to EEPROM.	0 to 15	0	0	Hiện thị thông tin Hz lên Keypad
P11.17	Keypad frequency setting selection	Ones: Whether UP/DOWN terminal frequency adjustment is valid 0: Invalid 1: Valid Tens: Whether to retain the keypad UP/DOWN set frequency upon a power failure 0: Does not retain 1: Retain Hundreds: Whether to retain the keypad UP/DOWN set frequency upon a stop 0: Does not retain 1: Retain	0 to 0x111	0	111	Giữ nguyên thông số tần số khi mất điện
P03.00	Motor type selection	0: Asynchronous motor 1: Synchronous motor	0 to 1	0	1	PHỤ THUỘC VÀO THÔNG SỐ ĐỘNG CƠ
P03.01	Asynchronous motor rated power	0.1 to 3000.0 kW	0.1 to 3000.0 kW	Depending on models	×	
P03.02	Asynchronous motor rated voltage	0 to 1200 V	0 to 1200 V	Depending on models	×	
P03.03	Asynchronous motor rated current	0.8 to 6000.0 A	0.8 to 6000.0 A	Depending on models	×	
P03.04	Asynchronous motor rated frequency	0.01 Hz to P02.10	0.01 Hz to P02.10	50.00 Hz	×	
P03.05	Asynchronous motor rated speed	1 to 36000 rpm	1 to 36000 rpm	Depending on models	×	
P03.27	Motor auto-tuning	0: No operation 1: Part parameter auto-tuning in the static status 2: Full parameter auto-tuning in the rotating status 3: Full parameter auto-tuning in the static status	0 to 3	0	2 or 3	2 (đò động); 3(đò tĩnh) BẮM RUN để cho Driver tự đò
P02.00	Control mode selection	0: Vector control 1 without PG 1: Vector control 2 without PG (only for asynchronous motors) 2: V/F control (only for asynchronous motors) 3: Closed-loop vector control	0 to 3	2	2	Chạy đòng cơ chế đò V/F
P02.02	Operation command channel selection	0: Keypad control 1: Terminal control 2: Communication control	0 to 2	0	1	Chạy bằng terminal
P02.05	Main frequency source selection	0: Digital setting P02.09 1: AI1 2: AI2 3: High-speed pulse HDI reference 4: Simple PLC programming reference 5: Multi-speed running reference 6: PID control 7: Modbus 8: Bus card	0 to 8	0	6	Chọn chân nguồn lựa chọn hiệu chỉnh tần số
P02.08	Frequency reference source calculation	0: Main frequency 1: Auxiliary frequency 2: Main + Auxiliary 3: Main - Auxiliary 4: Max (main reference, auxiliary reference) 5: Min (main reference, auxiliary reference)	0 to 5	0	0	Chọn nguồn tính toán tần số tham chiếu
P02.10	Maximum output frequency	P02.11 to 599.00 Hz Note: The maximum frequency is at least 50.00 Hz	P02.11 to 599.00 Hz	50.00 Hz	×	
P02.11	Upper limit frequency	P02.12 to P02.10	P02.12 to P02.10	50.00 Hz	×	
P02.12	Lower limit frequency	0.00 Hz to P02.11	0.00 Hz to P02.11	0.00 Hz	10Hz	Cài tần số ngưỡng dưới
P02.13	Acceleration time 1	0.0 to 6000.0 s Note: after being restored to default values, the system will do auto matching based on the actual model (applicable for acceleration/deceleration time 1, 2, 3 and 4) 5.5 kW and below: 10 s 5.5 to 30 kW (included): 20 s Above 30 kW: 40 s	0.0 to 6000.0 s	Depending on models	○	
P02.14	Deceleration time 1	0.0 to 6000.0 s	0.0 to 6000.0 s	Depending on models	○	
P09.02	Function selection of terminals 13, 11	Ones: 0: Terminal 13 as AI2 voltage input 1: Terminal 13 as AI2 current input Tens: 0: Terminal 11 as DO3 1: Terminal 11 as AO1 voltage output 2: Terminal 11 as AO1 current output Hundreds: Reserved Thousands: Reserved	0 to 0x21	0	1	Chọn chức năng chân 13 ở Terminal nhận tín hiệu đòng điện (Tùy tín hiệu cảm biến đầu ra)
P09.03	DI1 function selection	0: No function 1: Forward RUN 2: Reverse RUN	0 to 72	1	1	Chế đò kích lệnh chạy thuận bằng Terminal

P08.19	Running mode when below frequency lower limit	0: Running at frequency lower limit 1: Decelerate to stop 2: Hibernation When the frequency reference is below the frequency lower limit, the drive coasts to stop; and when the frequency reference is once above the frequency lower limit and running duration exceeds the time set by P08.20, the drive automatically resumes operation.	0 to 2	0	2	Khi tần số giảm đến giới hạn ngưỡng dưới, mà tín hiệu phản hồi vẫn bằng 0 thì biến tần sẽ tiến hành ngủ
P08.20	Recovery delay from	0.0 to 3600.0 s	0.0 to 3600.0 s	0	o	Thời gian delay trước khi ngủ (tham chiếu của P08.19)
P09.30	A12 lower limit	-10.00 V to P09.32	-10.00 V to P09.32	-10.00 V	2	Giới hạn dưới của A12 (nếu cảm biến à 4-20mA set lên 2 tương ứng 4mA)
P09.31	Percentage corresponding to A12 lower limit	-100.0 to 100.0%	-100.0 to 100.0%	-100.0%	0	% tương ứng với tham chiếu A1 ngưỡng dưới
P14.00	PID reference source	0: P14.02 digital setting 1: A11 2: A12 3: Reserved 4: HDI 5: Modbus 6: PROFINET	0 to 6	0	0	Chọn nguồn tham chiếu PID (Cài nguồn đặt - giá trị đặt)
P14.02	PID digital setting	-100.0% to 100.0%	-100.0% to 100.0%	0.0%	o	Cài đặt giá trị đặt qua cổng digital
P14.01	PID feedback source	0: A11 1: A12 2: Reserved 3: HDI 4: Modbus 5: PROFINET 6: A11+A12 7: A11-A12 8: MIN (A11, A12)	0 to 9	0	1	Cài đặt nguồn Feedback là A12
P14.05	Proportional gain Kp1	0.0 to 1000.0	0.0 to 1000.0	20	o	Chỉnh sửa các tham số của thuật toán PID (thường để mặc định theo nhà máy, nếu muốn đáp ứng nhanh,... sẽ chỉnh sửa)
P14.06	Integral time T1	0.01 to 10.00 s	0.01 to 10.00 s	2.00 s	o	
P14.07	Derivative time Td1	0.000 to 10.000 s	0.000 to 10.000 s	0.000 s	o	